TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Long.

2. Ông Lê Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 865/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bảo Tr, sinh năm 1992

Trú tại: số 322/8, đường Trưng Nhị, khu phố Tân Bình, phường Tân Long, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Bảo A, sinh năm 1989

Trú tại: số 150, Tổ 5, ấp Đông A, xã Đông Hoà, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

(Chị Tr có đơn xin vắng mặt, anh A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 08 tháng 12 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bảo Tr trình bày: Chị Nguyễn Thị Bảo Tr và anh Nguyễn Bảo A tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang vào năm 2014. Hôn nhân do tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh A không lo làm ăn phụ giúp chị về kinh tế mà còn thường xuyên tham gia cờ bạc gây nợ. Chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh A không thay

đổi, vợ chồng thường xuyên cải vã mất hạnh phúc. Anh chị đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Anh chị sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nay xét thấy hạnh phúc không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Bảo Tr yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Bảo A.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bảo H, sinh ngày 05/4/2015. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Thị Bảo H, chị Tr không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Bảo A đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh A vẫn không cung cấp cho Tòa án ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trân.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bảo Tr, cho chị Tr được ly hôn với anh Nguyễn Bảo A, chị Tr được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Bảo H, anh A chưa cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Tr chưa có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Bảo Tr và anh Nguyễn Bảo A là quan hệ tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bảo Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Tr theo quy định. Bị đơn anh Nguyễn Bảo A được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh A theo quy định khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bảo Tr và anh Nguyễn Bảo A tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, số đăng ký 15/2014, quyển số 01/2014, ngày đăng ký 20 tháng 3 năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Tr và anh A chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Bảo Tr yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Bảo A. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh A đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Nguyễn Thị Bảo Tr yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Bảo A là có cơ sở, phù hợp qui định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bảo Tr và anh Nguyễn Bảo A có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bảo H, sinh ngày 05/4/2015 hiện đang sống chung với chị Tr. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Thị Bảo H, chị Tr chưa yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, Nguyễn Thị Bảo H có nguyện vọng được sống với chị Tr. Do đó, để ổn định cuộc sống cho Nguyễn Thị Bảo H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr, để chị Tr được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Bảo H. Anh Nguyễn Bảo A chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Tr chưa có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bảo Tr khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bảo Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bảo Tr.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bảo Tr được ly hôn với anh Nguyễn Bảo A.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bảo Tr và anh Nguyễn Bảo A có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bảo H, sinh ngày 05/4/2015. Giao con chung tên Nguyễn Thị Bảo H cho chị Nguyễn Thị Bảo Tr được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Bảo A chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Tr chưa có yêu cầu.

Anh Nguyễn Bảo A có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bảo Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Tr đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021256 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên chị Nguyễn Thị Bảo Tr đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Châu Thành, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐH, H. CT, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Kim Hằng